

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	05-06
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07-17

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		240,272,245,253	246,516,471,906
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	108,368,518,111	108,033,367,368
111	1. Tiền		108,368,518,111	108,033,367,368
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	82,505,425,500	84,268,208,098
121	1. Đầu tư ngắn hạn		104,182,635,073	108,122,824,048
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(21,677,209,573)	(23,854,615,950)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		45,092,251,816	48,356,460,684
131	1. Phải thu khách hàng		258,644,830	33,000,000
132	2. Trả trước cho người bán		1,211,683,807	1,053,060,848
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	1,189,434,395	1,768,636,909
138	5. Các khoản phải thu khác	7	85,931,652,178	89,000,926,321
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	8	(43,499,163,394)	(43,499,163,394)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4,306,049,826	5,858,435,756
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		219,823,099	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		21,390,921	25,496,382
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		117,835,909	119,503,462
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		3,946,999,897	5,713,435,912
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7,952,936,544	9,743,973,541
220	II. Tài sản cố định		4,740,782,667	6,794,433,493
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3,446,116,293	5,170,115,420
222	- Nguyên giá		10,315,514,559	12,093,120,842
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6,869,398,266)	(6,923,005,422)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1,294,666,374	1,624,318,073
228	- Nguyên giá		3,315,924,277	3,344,764,277
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,021,257,903)	(1,720,446,204)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	15,000,000	15,000,000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		15,000,000	15,000,000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3,197,153,877	2,934,540,048
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	211,514,647	240,616,322
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	2,985,639,230	2,693,923,726
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		248,225,181,797	256,260,445,447

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		29,857,187,220	39,030,468,824
310	I. Nợ ngắn hạn		29,857,187,220	39,030,468,824
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	25,162,937,426	30,512,510,432
312	2. Phải trả người bán		-	4,653,000
313	3. Người mua trả tiền trước		-	50,000,000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	53,115,662	20,333,173
315	5. Phải trả người lao động		187,146,425	207,000,660
316	6. Chi phí phải trả	16	2,664,065,260	2,404,241,764
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	1,768,534,426	5,735,664,269
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		20,177,636	7,696,926
317	10. Phải trả nội bộ		1,210,385	88,368,600
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		218,367,994,577	217,229,976,623
410	I. Vốn chủ sở hữu		218,367,994,577	217,229,976,623
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	341,333,000,000	341,333,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14,625,850,000	14,625,850,000
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(10,400,000)	(10,400,000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1,813,981,917	1,813,981,917
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1,813,981,917	1,813,981,917
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(141,208,419,257)	(142,346,437,211)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		248,225,181,797	256,260,445,447

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
005	5. Ngoại tệ các loại (USD)		37.24	93.39
006	6. Chứng khoán lưu ký		456,668,540,000	422,657,290,000

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Tổng Giám đốc



Vũ Huyền Trâm



Vũ Huyền Trâm



Nguyễn Xuân Biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý III năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	3,586,095,920	8,687,775,082	11,272,523,182	13,228,275,298
01.1	Doanh thu môi giới chứng khoán cho NĐT		409,155,579	229,662,071	2,604,278,102	1,387,779,972
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		2,891,964,541	8,388,112,556	5,432,720,571	8,464,061,536
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		75,000,000	70,000,455	415,568,855	241,818,637
01.9	Doanh thu khác		209,975,800		2,819,955,654	3,134,615,153
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		3,586,095,920	8,687,775,082	11,272,523,182	13,228,275,298
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	20	2,041,532,299	4,593,521,270	4,308,181,694	68,065,959,497
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh chứng khoán		1,544,563,621	4,094,253,812	6,964,341,488	(54,837,684,199)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	1,595,363,600	2,406,580,073	6,172,095,888	9,505,444,022
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(50,799,979)	1,687,673,739	792,245,600	(64,343,128,221)
31	8. Thu nhập khác		626,555,455	15,000,000	641,250,576	42,023,276
32	9. Chi phí khác		289,675,458	70,000,000	295,478,222	190,000,000
40	10. Lợi nhuận khác		336,879,997	(55,000,000)	345,772,354	(147,976,724)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		286,080,018	1,632,673,739	1,138,017,954	(64,491,104,945)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22				
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		286,080,018	1,632,673,739	1,138,017,954	(64,491,104,945)

Giải thích: Lợi nhuận quý III năm 2013 của Công ty biến động giảm hơn 10% so với Quý III năm 2012

Sự biến động này là do ở quý III năm 2013, ảnh hưởng kéo dài của thị trường chứng khoán đi xuống làm giảm doanh thu môi giới chứng khoán, góp vốn, nên doanh thu đã giảm hơn so với quý III năm 2012. Do đó, lợi nhuận quý III năm 2013 giảm nhiều hơn 10% so với cùng kỳ năm 2013. Tuy vậy Công ty vẫn đạt được những kết quả nhất định.

Người lập

Vũ Huyền Trâm

Kế toán trưởng

Vũ Huyền Trâm

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN BIỂU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		286,080,018	1,632,673,739
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		800,894,405	3,758,335,103
03	Các khoản dự phòng		(2,177,406,377)	64,183,873,742
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3,414,264,883)	(589,121,015)
06	Chi phí lãi vay		987,510,991	3,946,331,405
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(3,517,185,846)	72,932,092,974
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		1,148,859,459	78,256,130,340
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại		3,051,000,000	12,650,187,140
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4,446,764,049)	(90,744,772,236)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(190,721,424)	4,770,765,930
13	Tiền lãi vay đã trả		-	(3,946,331,405)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1,906,992,237	(12,408,848)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		3,042,872,984	(1,919,390,037)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		995,053,361	71,986,273,858
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		963,080,963	(1,175,587,912)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		312,324,542	22,000,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi mua chứng khoán		-	(9,458,000,000)
26	6. Tiền thu hồi chứng khoán bán lại		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3,414,264,883	589,121,015
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4,689,670,388	(10,022,466,897)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	(58,574,647,087)
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5,349,573,006)	(20,271,420,233)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	17,066,650,000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5,349,573,006)	(61,779,417,320)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		335,150,743	184,389,641
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		108,033,367,368	11,262,900,871
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	108,368,518,111	11,447,290,512

Người lập



Vũ Huyền Trâm

Kế toán trưởng



Vũ Huyền Trâm

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Biều

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/01/2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 4, tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 341.333.000.000 VND (Ba trăm bốn một tỷ ba trăm ba mươi ba triệu đồng), tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	Villa số 3, số 2BIS Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Môi giới chứng khoán Tư vấn đầu tư chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2013

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2013

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2013

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu và CCQ niêm yết		
Của người đầu tư	2,508,210	18,754,328,000
- Cổ phiếu	2,508,210	18,754,328,000
- Chứng chỉ quỹ		
	2,508,210	18,754,328,000

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	46,981,607,700	7,913,109,756
Tiền gửi ngân hàng	60,114,114,207	95,237,891,446
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (*)	912,975,596	3,238,190,442
Tiền đang chuyển		2
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	359,820,608	1,644,175,724
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của Công ty	15,409,022	1,962,213
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của NĐT	344,411,586	1,642,213,511
	108,368,518,111	108,033,367,370

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	42,969,189,643	46,020,189,643
- Chứng khoán niêm yết	6,739,189,643	6,739,189,643
- Chứng khoán chưa niêm yết	36,230,000,000	39,281,000,000
Đầu tư ngắn hạn khác	61,213,445,430	62,102,634,405
- Ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần VICS INVEST	50,045,985,430	50,935,174,405
+ Ủy thác quản lý danh mục đầu tư chứng khoán niêm yết	20,553,353,430	21,442,542,405
+ Ủy thác khác	29,492,632,000	29,492,632,000
- Ủy thác cho Công ty CP đầu tư xây dựng và Quản lý kinh doanh Bất động sản Thăng Long	11,167,460,000	11,167,460,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(21,677,209,573)	(23,854,615,950)
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào VICS INVEST	(14,899,441,930)	(16,154,378,307)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán niêm yết	(4,937,767,643)	(5,045,237,643)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán chưa niêm yết	(1,840,000,000)	(2,655,000,000)
	82,505,425,500	84,268,208,098

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2013

6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Phải thu tiền vay tạm ứng bán chứng khoán	965,819,552	1,085,766,552
Phải thu tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	223,614,843	682,870,357
Phải thu khác		
	1,189,434,395	1,768,636,909

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Phải thu hoạt động hợp tác kinh doanh với nhà đầu tư	77,043,169,392	83,304,585,677
Thù lao và các khoản chi hộ cho Hội đồng quản trị	389,300,000	389,300,000
Tiền thưởng lễ tết, chi mang tính chất phúc lợi	771,499,972	770,199,972
Lãi dự thu	1,980,566,201	1,267,880,383
Phải thu khác	5,747,116,613	3,268,960,289
	85,931,652,178	89,000,926,321

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(43,499,163,394)	(43,499,163,394)
Số trích lập trong kỳ		-
Số dư cuối kỳ	(43,499,163,394)	(43,499,163,394)

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	1,101,857,877	4,310,897,380	5,746,124,622	11,158,879,879
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	615,865,320	227,500,000	843,365,320
- Thanh lý, nhượng bán		615,865,320	227,500,000	843,365,320
Số dư cuối kỳ	1,101,857,877	3,695,032,060	5,518,624,622	10,315,514,559
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	709,305,242	2,608,630,731	3,742,997,455	7,060,933,428
Số tăng trong kỳ	37,036,246	157,302,258	167,816,196	362,154,700
- Trích khấu hao	37,036,246	157,302,258	167,816,196	362,154,700
Số giảm trong kỳ	-	402,023,195	151,666,667	553,689,862
- Thanh lý, nhượng bán		402,023,195	151,666,667	553,689,862
Số dư cuối kỳ	746,341,488	2,363,909,794	3,759,146,984	6,869,398,266
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Đầu kỳ	392,552,635	1,702,266,649	2,003,127,167	4,097,946,451
Cuối kỳ	355,516,389	1,331,122,266	1,759,477,638	3,446,116,293

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2013

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phản mềm giao dịch, kế toán
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	3,315,924,277
Số tăng trong kỳ	-
- Mua sắm mới	
Số giảm trong kỳ	
Số dư cuối kỳ	3,315,924,277
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	1,943,998,678
Số tăng trong kỳ	77,259,225
- Trích khấu hao	77,259,225
Số giảm trong kỳ	
Số dư cuối kỳ	2,021,257,903
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Đầu kỳ	1,371,925,599
Cuối kỳ	1,294,666,374

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2012	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
341,333,000,000	Nguyên giá	13,631,438,836	0.04
	Khấu hao	(8,890,656,169)	
	Giá trị còn lại	4,740,782,667	0.01

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	15,000,000	15,000,000
- Góp vốn Công ty Cổ phần VICS INVEST	15,000,000	15,000,000
	15,000,000	15,000,000

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6,600,000	17,242,500
Chi phí thuê văn phòng	-	
Chi phí trả trước dài hạn khác	204,914,647	223,373,822
	211,514,647	240,616,322

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2013

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	2,693,923,726	2,474,813,957
Tiền nộp bổ sung	-	13,210,541
Tiền lãi phân bổ trong năm	291,715,504	205,899,228
	<u>2,985,639,230</u>	<u>2,693,923,726</u>

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	25,162,937,426	30,512,510,432
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác	25,162,937,426	30,512,510,432
Cộng	<u>25,162,937,426</u>	<u>30,512,510,432</u>

Chi tiết các khoản vay:

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Công ty TNHH Nhà nước 1 TV đầu tư và PTNN Hà Nội (1)	25,162,937,426	26,162,937,426
Công ty Cp Tài nguyên Khoáng sản và BĐS Thăng Long	-	2,500,000,004
Bà Nguyễn Thị Hạnh	-	1,849,573,002
	<u>25,162,937,426</u>	<u>30,512,510,432</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Vay Công ty TNHH Nhà nước 1 TV đầu tư và PTNN Hà Nội theo các hợp đồng:

- Hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/05/2011, phụ lục hợp đồng số 54-1306/2013/PLHD ngày 01/07/2013 với các nội dung như sau:

- + Số tiền vay là 25.000.000.000 đồng;
- + Thời hạn vay: 03 tháng, tự động gia hạn khi đáo hạn
- + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng vay tiền số 18/HĐVT/VICS ngày 12/01/2011, phụ lục hợp đồng vay số 54-1306/2013/PLHD ngày 01/07/2013 với các nội dung như sau:

- + Số tiền là 162.937.426 đồng;
- + Thời hạn vay: 03 tháng, tự động gia hạn khi đáo hạn
- + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2013

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	53,115,662	20,333,173
	53,115,662	20,333,173

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Chi phí giao dịch phải trả các phòng giao dịch và sở giao dịch		
Chi phí lãi vay	1,141,783,046	1,818,259,164
Thuế Văn phòng	1,453,092,862	585,982,600
Chi phí phải trả khác	69,189,352	
	2,664,065,260	2,404,241,764

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30-09-2013	01-01-2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	1,366,565	598,540
Kinh phí công đoàn	29,239,003	84,753,559
Bảo hiểm xã hội	21,949,816	151,649,702
Bảo hiểm y tế	-	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,250,793,916	4,882,364,796
Phải trả cổ tức cho cổ đông	104,625,000	104,625,000
Phải trả tiền đặt cọc đấu giá cho Nhà đầu tư	-	130,900,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	360,560,126	380,772,671
Phải trả, phải nộp tiền thực hiện quyền mua CP của NĐT	-	
	1,768,534,426	5,735,664,268

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý III năm 2013

	Đầu kỳ		Tăng		Giảm		Cuối kỳ	
	Quý III năm 2012	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012	Quý III năm 2013
	VND		VND		VND		VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	341,333,000,000	341,333,000,000					341,333,000,000	341,333,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	14,625,850,000	14,625,850,000					14,625,850,000	14,625,850,000
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-					-	-
Cổ phiếu quỹ	(10,400,000)	(10,400,000)					(10,400,000)	(10,400,000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-					-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-					-	-
Quý đầu tư phát triển	1,813,981,917	1,813,981,917					1,813,981,917	1,813,981,917
Quý dự phòng tài chính	1,813,981,917	1,813,981,917					1,813,981,917	1,813,981,917
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	(145,069,534,878)	(141,494,499,275)	1,632,673,739	286,080,018			(143,436,861,139)	(141,208,419,257)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	214,506,878,956	218,081,914,559	1,632,673,739	286,080,018	-	-	216,139,552,695	218,367,994,577

Người lập

[Signature]

Vũ Huyền Trâm

Kế toán trưởng

[Signature]

Vũ Huyền Trâm

Nguyễn Xuân Biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMTầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính
Quý III năm 2013**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	3,586,095,920	8,687,775,082
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	409,155,579	229,662,071
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	2,891,964,541	8,388,112,556
- Doanh thu hoạt động tư vấn	75,000,000	70,000,455
- Doanh thu khác	209,975,800	
	<u>3,586,095,920</u>	<u>8,687,775,082</u>

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	16,388,362	(268,855,730)
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	828,511,000	4,664,305,963
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	41,401,362	69,891,381
Chi phí dự phòng đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	116,742,500	(2,056,165,722)
Chi phí về vốn kinh doanh	625,757,980	1,437,537,854
Chi phí trực tiếp chung	412,731,095	746,807,524
- Chi phí nhân viên	169,497,422	310,862,292
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	-	323,324
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	102,365,258	121,761,378
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	132,543,415	214,933,526
- Chi phí khác bằng tiền	8,325,000	98,927,004
	<u>2,041,532,299</u>	<u>4,593,521,270</u>

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	612,507,162	826,801,235
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	61,669,488	108,469,153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	337,048,667	402,575,922
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168,863,309	496,158,957
Chi phí khác bằng tiền	415,274,974	572,574,806
	<u>1,595,363,600</u>	<u>2,406,580,073</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2013

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	286,080,018	1,632,673,739
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	286,080,018	1,632,673,739
Chuyển lỗ năm trước	(283,580,018)	(1,632,673,739)
Thu nhập tính thuế	2,500,000	
Thuế suất thuế TNDN		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

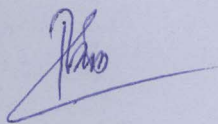
	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	286,080,018	1,632,673,739
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	286,080,018	1,632,673,739
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	34,132,800	34,132,800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	48

Người lập



Vũ Huyền Trâm

Kế toán trưởng



Vũ Huyền Trâm



Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Biều